

**Bài 4**                    **CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG TÂY –**  
**HI LẠP VÀ RÔ-MA**  
(2 tiết)

**I - MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Về kiến thức**

Bài này tiếp tục giúp HS thấy rõ quan hệ tương ứng tất yếu giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, thông qua những hiểu biết về :

– Điều kiện thiên nhiên của vùng Địa Trung Hải với sự phát triển thủ công nghiệp và thương nghiệp đường biển và với chế độ chiếm nô.

– Từ cơ sở kinh tế – xã hội đã dẫn đến việc hình thành thể chế Nhà nước dân chủ – cộng hoà ở Hi Lạp và Rô-ma.

**2. Về tư tưởng, tình cảm**

Mâu thuẫn giai cấp gay gắt làm bùng cháy các cuộc khởi nghĩa của nô lệ và dân nghèo.

Qua đó, GV làm cho HS hiểu được mô hình thứ hai của xã hội cổ đại, xã hội chiếm nô vùng Địa Trung Hải ; đồng thời, giúp HS nhận thức rõ về vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử.

**3. Về kĩ năng**

Biết sử dụng bản đồ để phân tích những thuận lợi, khó khăn và vai trò của điều kiện địa lí ở các quốc gia cổ đại phương Tây.

**II - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý**

Bài có 3 mục, học trong 2 tiết ; tiết 1 – có thể giảng 2 mục đầu, tiết 2 – giới thiệu thành tựu văn hoá cổ đại phương Tây.

**III - THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY — HỌC**

– Bản đồ các quốc gia cổ đại.

– Nên có một đĩa CD về một số công trình nghệ thuật thế giới (đã phát trên kênh VTV2), hoặc một vài tranh ảnh để minh hoạ.

## IV - GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY — HỌC

### 1. Giới thiệu bài học

GV có thể dùng đoạn ở đầu bài trong SGK để giới thiệu bài mới.

### 2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

#### *Mục 1. Thiên nhiên và đời sống của con người*

Có 3 ý cơ bản :

– Những đặc điểm của điều kiện tự nhiên : vùng ven biển, nhiều đảo , đất canh tác ít và khô cứng, đã tạo ra những thuận lợi và khó khăn của vùng Địa Trung Hải.

+ Thuận lợi : có biển, nhiều hải cảng, giao thông trên biển dễ dàng, nghề hàng hải sớm phát triển.

+ Khó khăn : đất ít và xấu, nên chỉ thích hợp với loại cây lưu niên, do đó thiếu lương thực, luôn phải nhập khẩu.

– Ý nghĩa của việc sử dụng công cụ bằng sắt : đất cứng phải đòi công cụ bằng sắt (chậm hơn đồng rất nhiều) nhưng công cụ bằng sắt ra đời không chỉ có tác dụng canh tác mà mở ra một trình độ kĩ thuật cao hơn và toàn diện.

– Cuộc sống ban đầu của con người vùng Địa Trung Hải : sớm biết buôn bán, đi biển và trồng trọt.

Ngoài ra, GV có thể mở rộng giải thích :

– Vai trò "cách mạng" của sắt trong lịch sử : là thứ nguyên liệu quan trọng, cho phép trồng trọt khai hoang trên diện tích rộng hơn.

– Sự tiến bộ của thủ công nghiệp và kinh tế hàng hoá – tiền tệ.

#### *Mục 2. Thị quốc Địa Trung Hải*

Nói về tổ chức Nhà nước vùng Địa Trung Hải – Thị quốc Địa Trung Hải (thể chế dân chủ cổ đại) có 3 ý cơ bản sau :

– Nguyên nhân ra đời của thị quốc : tình trạng đất đai phân tán nhỏ và đặc điểm của cư dân sống bằng nghề thủ công và thương nghiệp.

– Tổ chức của thị quốc : nêu những nét chính về hành chính, về bộ mặt và đặc điểm của thị quốc.

GV có thể mô tả về đền đài, phố xá, thành quách và lấy A-ten làm ví dụ minh họa.

– Tính chất dân chủ của các thị quốc, đặc biệt là A-ten : nêu những biểu hiện của thể chế dân chủ cổ đại (như Đại hội công dân, Hội đồng 500 v.v...).

Ngoài ra, GV có thể mở rộng giải thích :

Chế độ dân chủ ở A-ten : có Đại hội công dân, dân tự do là nam từ 18 tuổi trở lên được tham dự đại hội, bầu cử bằng bỏ phiếu, chế độ trợ cấp xã hội...

Bản chất nền dân chủ : GV cần phân tích cho HS hiểu rõ chế độ dân chủ chủ nô là bước tiến lớn so với chế độ chuyên chế của các quốc gia cổ đại phương Đông. Chính quyền ở A-ten thuộc về các công dân A-ten. Thể chế mang tính dân chủ rộng rãi.

Song GV cũng cần chỉ rõ đây là một thể chế chính trị dựa trên cơ sở bóc lột.

Cuối cùng, GV hướng dẫn HS xem tượng Pê-ri-clét và trao đổi các vấn đề như :

Ông là ai ? Là người thế nào ? Tại sao người ta lại tạc tượng như thế này ?

Ông là người anh hùng chỉ huy quân A-ten đánh thắng quân Ba Tư, có công xây dựng A-ten thịnh vượng, đẹp đẽ. Trong xã hội dân chủ cổ đại, hình tượng cao quý nhất là người chiến sĩ bình thường, gân gỏi, thân mật, được đặt ở quảng trường để dân chúng tôn kính, ngưỡng mộ.

Có thể dùng tiết 1 ở đây.

### ***Mục 3. Văn hoá cổ đại Hi Lạp và Rô-ma***

Dựa trên sự tiến bộ và ở một cấp độ phát triển cao về kinh tế công thương và thể chế dân chủ, cư dân cổ đại Địa Trung Hải (chủ yếu là Hi Lạp và Rô-ma) đã xây dựng được một nền văn hoá cổ đại phát triển cao với những giá trị sau đây :

– Sự khái quát (kết quả của sự tổng hợp và trừu tượng hoá) trong khoa học tự nhiên, triết học, sử học và chữ viết (thường có tên tuổi cụ thể của các nhà bác học).

– Giá trị hiện thực và nhân văn trong văn thơ, kịch, nghệ thuật...

GV nên giới thiệu và phân tích để HS hiểu rõ những giá trị lớn lao trong từng lĩnh vực văn hoá.

Để tránh sa đà, GV cần tập trung giảng những ý cơ bản :

a) *Lịch và chữ viết* (ghép 2 nội dung, nhưng GV nên hướng dẫn học chủ yếu nội dung thứ hai).

Việc tính lịch chính xác hơn không phải là quá đơn giản về mặt khoa học. Thực ra đây là vấn đề rất khó, bởi vì muốn tính thời lịch chính xác hơn thì phải nắm được khá chính xác chu trình vận động của Trái Đất quanh Mặt Trời (mặc dù có thể vẫn tưởng Mặt Trời chạy quanh Trái Đất). Ở đây, GV chỉ cần cho HS biết là người ta đã nâng cao hiểu biết, rút kinh nghiệm, cải tiến thời lịch chính xác hơn.

Một thành tựu khác là chữ viết. Trước kia, ở các nước cổ đại phương Đông, chữ viết đã ra đời và phát huy tác dụng, nhưng những chữ viết này có quá nhiều hình, nét khó vẽ (hàng nghìn hình và kí hiệu, hàng trăm dấu thanh và ngữ pháp).

Ai chẳng muốn thu gọn, nhưng đâu có dễ ? Phải tiến đến một trình độ nào đó người ta mới thực hiện được : đó là trình độ khái quát hoá của khoa học và của tư duy.

Chỉ với hơn 20 chữ cái, với cách ghép linh hoạt và ngữ pháp chặt chẽ, người ta có thể thể hiện trên mặt giấy mọi kết quả của tư duy, khoa học, văn thơ...

Kết hợp giới thiệu Khái hoàn môn Trai-an, GV giới thiệu hệ thống chữ cái Rô-ma cho HS quan sát và nêu một số ví dụ về ghép chữ (chữ cái a, b, c) thành từ đơn, từ kép (của hệ đơn âm) như tiếng Việt và thành những âm của từ đa âm (của hệ ngôn ngữ Ấn – Âu...) như Đê-li, Bom-bay...

b) *Sự ra đời của khoa học*

GV giới thiệu 4 lĩnh vực của khoa học (Toán, Lí, Sứ, Địa) nhưng nên hướng dẫn để HS hiểu chủ yếu về Toán, Lí, vì hai ngành khoa học này quen thuộc hơn với HS.

Tuỳ điều kiện, GV có thể giới thiệu đôi nét về cuộc đời Ta-lét, Pi-ta-go hay Ác-si-met và giới thiệu cụ thể về 1 định lí, định đề (có thể viết lên bảng).

Ngoài ra, GV nên kể đôi chút về các nhà bác học nhưng cần ngắn gọn và chính xác.

Hê-rô-đốt (người Hi Lạp, "ông tổ của sử học") viết lịch sử các thành bang, các dân Hi Lạp và láng giềng. Tu-xi-đit (người Hi Lạp) viết Cuộc chiến tranh Pê-lô-pôn, là lịch sử cuộc nội chiến giữa các thành bang làm cho Hi Lạp suy yếu. Ta-xit (người Rô-ma) viết *Lịch sử Rô-ma* từ nguồn gốc đến thời của ông (năm 55 – 120).

Điều cần nhấn mạnh ở đây là làm rõ nhận định "những hiểu biết khoa học mới thực sự trở thành khoa học" vì : độ chính xác của khoa học, trình độ khái quát thành định lí, lí thuyết và thực hiện bởi những nhà khoa học có tên tuổi, đặt nền móng cho ngành khoa học đó.

#### c) Văn học

GV cần giải thích để HS hiểu khái quát và đơn giản rằng, trước người Hi Lạp cổ đại, ở Ai Cập và Lưỡng Hà mới chỉ có văn học dân gian ; sau đó giải quyết các vấn đề :

– Tại sao hướng phát triển chủ yếu là kịch ?

– Tham khảo sách văn học, kể tóm tắt nội dung một vở kịch như *Prô-mê-tê bị xiềng*.

– Giá trị vở kịch này : cái đẹp, cái thiện, tính nhân đạo.

#### d) Nghệ thuật

GV giảng mục này nên có ảnh, tranh vẽ, tượng phiên bản thu nhỏ của tượng thân Vệ nữ Mi-lô, Lược sĩ ném đĩa và đền Pác-tê-nông.

Gới thiệu cái đẹp của tượng thân Vệ nữ : hiện thực (tượng thân mà lại là người), sinh động (tư thế mềm mại) thanh khiết (sự hài lòng, tự tin và hào hứng của nghệ sĩ đối với thời đại mình). Chú ý : tượng bằng đá cẩm thạch, nay đặt ở Bảo tàng Pháp, cao lớn hơn người thật (2m). Dựa vào SGK để giới thiệu về kiến trúc nói chung và đền Pác-tê-nông nói riêng : "thanh thoát... làm say mê lòng người... tài năng của con người... kiệt tác của muôn đời".

### 3. Sơ kết bài

Cuối cùng, GV hướng dẫn để HS nắm vững và trả lời chính xác các câu hỏi ở cuối mỗi mục và cuối bài.

## V - TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đền Pác-tê-nông (theo tiếng Hi Lạp – đền Trinh nữ) là một kiệt tác của kiến trúc Hi Lạp cổ đại. Đền thờ nữ thần A-tê-na, nữ thần Trí tuệ, thần Bảo trợ thành bang A-ten. Đền được xây dựng trên đồi A-crô-pôn dưới thời Pê-ri-clét (Periklès), do hai kiến trúc sư Ic-ti-nôt (Iktinos), Ca-li-cơ-rát (Callicratès) cùng nhà điêu khắc Phi-đi-át thiết kế và chỉ đạo thi công. Đền Pác-tê-nông được xây dựng trong vòng

10 năm (từ năm 448 đến năm 438 TCN), theo kiểu thức Đô-ri-en có pha những nét của kiểu thức I-ô-ni-en. Ngôi đền dài 70 mét, rộng 31 mét, cao 14 mét được xây dựng trên một nền trụ đá với 3 bậc. Mái đền được đỡ bằng 46 cột tròn cao 10 mét ở 4 mặt. Kết cấu của ngôi đền rất cân đối, hài hoà. Trong đền có tượng A-tê-na bằng gỗ, khảm ngà voi (ở phần lộ ra của cơ thể) và khảm vàng (trên y phục). Đây là một trong những bức tượng danh tiếng nhất của nhà điêu khắc thiên tài Phi-đi-át. Phi-đi-át và các học trò của ông cũng là những người đảm nhận toàn bộ khâu trang trí đền. Ở đầu mái (mặt trán tường), phía đông tạo cảnh A-tê-na chào đời, còn ở phía tây là cảnh tranh giành vùng At-tích giữa A-tê-na và thần biển Pô-sê-i-đông. Cuối cùng A-tê-na đã chiến thắng và trở thành thần Bảo trợ thành bang A-ten. Trên mặt 92 phiến đá lớn hình chữ nhật làm diềm (frise) nằm giữa đỉnh cột và mái đền là những phù điêu lấy đề tài từ truyền thuyết, thần thoại, trong đó có cả những đề tài từ cuộc chiến tranh thành Tơ-roa. Đền Pác-tê-nông là ngôi đền được bảo quản tương đối tốt trong một thời gian dài. Thế kỉ V, đền Pác-tê-nông trở thành nhà thờ Kitô giáo, thờ Đức mẹ Ma-ri-a, từ thế kỉ XV trở thành thánh đường Hồi giáo. Năm 1687, trong cuộc chiến tranh giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Vê-nê-xi-a (lúc này Hi Lạp là thuộc địa của Thổ Nhĩ Kỳ), thành A-ten bị người Vê-nê-xi-a vây hãm, đền Pác-tê-nông được sử dụng làm kho chứa thuốc nổ và đã bị hư hại nghiêm trọng.

(Theo : Lương Ninh (Chủ biên),  
*Lịch sử văn hoá thế giới cổ - trung đại*, NXB Giáo dục, H., 1998)